kù zi

裤子

Noun · trousers

Example Sentences

zhè tiáo kù zi hěn shū fu
这 条 裤子 很 舒服。
These trousers are very comfortable.

wǒ chuān kù zi
我 穿 裤子。
I wear pants.

zhè tiáo kù zǐ de yán sè hé nǐ de shàng yī bú tài dā pèi
这 条 裤子 的 颜色 和 你的 上 衣 不太 搭配。
The color of these trousers doesn't quite match your top.

Trace each character, then write the word on your own.

裤 裤 裤 裤 裤 裤 裤 裤 裤 裤 裤

裤 裤 裤 裤

子 子 子 子 子 子